

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1856/QĐ-UBND**

Yên Bái, ngày **29** tháng 8 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại điểm 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đối với huyện Yên Bình, đợt 8 năm 2021**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;*

*Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thành lập Tổ thường trực rà soát, kiểm tra hồ sơ thẩm định đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Theo đề nghị của Tổ thường trực rà soát, kiểm tra tại Tờ trình số 1814/TTr-TTTRS ngày 27/8/2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại điểm 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ đối với huyện Yên Bình, đợt 8 năm 2021, cụ thể như sau:

1. Danh sách đối tượng và kinh phí hỗ trợ:

Hỗ trợ đối với hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có đăng ký thuế và phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19.

- Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh;
- Số lượng đối tượng hỗ trợ: 07 hộ kinh doanh;
- Kinh phí hỗ trợ: 21.000.000 đồng;
- Phương thức hỗ trợ: Chi trả một lần cho hộ kinh doanh.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

2. Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách cấp tỉnh năm 2021 đã được giao tại Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (20% kinh phí do địa phương đảm bảo) là 4.200.000 đồng.

- Tạm cấp trước từ ngân sách cấp tỉnh (80% kinh phí do ngân sách trung ương đảm bảo) là 16.800.000 đồng. Số kinh phí tạm cấp được thu hồi về cho ngân sách tỉnh khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

- Cấp kinh phí cho huyện Yên Bình theo danh sách đối tượng và kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thực hiện thu hồi kinh phí về ngân sách địa phương khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung theo quy định.

- Trên cơ sở danh sách đối tượng và kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, số thực chi trả cho các đối tượng, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Yên Bái tổng hợp quyết toán kinh phí báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, thẩm định làm căn cứ cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ cho địa phương.

2. Kho bạc Nhà nước Yên Bái: Phối hợp với Sở Tài chính xác nhận số kinh phí ngân sách nhà nước thực chi cho các đối tượng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chi trả chính sách hỗ trợ đối với đối tượng theo quy định.

- Chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo Tổ thường trực rà soát, kiểm tra để kiến nghị

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

4. Cục Thuế tỉnh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, kiểm tra danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại điểm 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

5. Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình:

- Căn cứ danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện chi trả ngay cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, thống kê, thẩm định và chi trả kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng. Trường hợp nếu phát hiện có sai sót, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Cục Thuế tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, đúng chế độ; tổ chức chi trả cho các đối tượng trên địa bàn quản lý đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai và đúng quy định.

- Chậm nhất 15 ngày, sau khi kết thúc đợt chi trả, Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình; các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:** *lu*

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.

**CHỦ TỊCH**



*lu*

**Trần Huy Tuấn**



Phụ lục:  
DANH SÁCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH, CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH,  
CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ PHẢI DỪNG HOẠT ĐỘNG TỪ 15 NGÀY LIÊN TỤC TRỞ LÊN  
HUYỆN YÊN BÌNH

theo Quyết định số 1856 /QĐ-UBND ngày 29/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Họ tên hộ kinh doanh	Mã số thuế	Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số CMND/CCCD	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Thời gian tạm ngừng kinh doanh	Số ngày nghỉ kinh doanh	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Hình thức thanh toán, nhận hỗ trợ		
										Qua Tài Khoản	Qua Bưu điện	Nhận trực tiếp
	<b>Tổng cộng</b>								<b>21.000.000</b>			
<b>I</b>	<b>Xã Xuân Long</b>								<b>3.000.000</b>			
1	Hà Thị Thuận	5200202207	16G8002459	060715168	Nhà nghỉ, karaoke	Thôn 4	01/6-30/06/2021	30	3.000.000	x		
<b>II</b>	<b>Xã Vĩnh Kiên</b>								<b>9.000.000</b>			
1	Đặng Văn Hợi	8168373983	16G8002548	060800390	Dịch vụ karaoke	Thôn Phúc Khánh	01/5-30/6/2021	61	3.000.000			x
2	Nguyễn Văn Sơn	8093319224	16G8003007	060627279	Dịch vụ karaoke	Thôn Phúc Khánh	01/5-30/6/2021	61	3.000.000			x
3	Nguyễn Thị Kim Huệ	5200843831	16G8001587	060757706	Dịch vụ karaoke	Thôn Phúc Khánh	01/5-30/6/2021	61	3.000.000			x
<b>III</b>	<b>Xã Phúc An</b>								<b>3.000.000</b>			
1	Đặng Văn Thành	5200809950	16G8001590	060746350	Dịch vụ karaoke	Thôn Đồng Tha	01/5 - 31/5/2021	31	3.000.000	x		
<b>IV</b>	<b>Xã Hán Đà</b>								<b>3.000.000</b>			
1	Cao Thị Lan	8168413234	16G8002507	060593588	Dịch vụ karaoke	Thôn Tiên Phong	01/5 - 31/5/2021	31	3.000.000			x
<b>V</b>	<b>Xã Cẩm Ân</b>								<b>3.000.000</b>			
1	Mai Văn Thành	5200443512	16G80002478	060746679	Dịch vụ karaoke	Thôn Ngòi Cát	01/5 - 29/7/2021	87	3.000.000	x		